TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 84/2019/DS-PT.
Ngày 30/7/2019
V/v: "Tranh chấpbồi thường thiệt hại về tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán- chủ toạ phiên toà: Bà Phạm Thị Minh Hiền.
Các thẩm phán: Bạch Đăng Thi;
Ông Đặng Văn Quyết.
Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Hương Mai- Cán bộ Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang.
Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang: Ông Lương Thất Tùng– Kiểm sát viên.

Ngày 30/7/2019, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số71/2019/TLPT- DS ngày 12/3/2019 về việc: "Tranh chấp bồi thường thiệt hại về tài sản".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 08/2019/DS-ST ngày 31/01/2019 của Toà án nhân dân thành phố B bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 01/2019/QĐ-PT ngày 20/05/2019 giữa:

Nguyên đơn: Ông Thân Quang C (tên gọi khác: Thân Văn C), sinh năm 1939.
Địa chỉ: Thôn B, xã T, huyện V, tỉnh Bắc Giang.
Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông C:
Luật sư Nguyễn Tiến L và Luật sư Lê Quốc Đ1 đều ở Công ty TNHH T, Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội.
Luật sư L vắng mặt; Luật sư Đ1 có mặt.
Bị đơn: Công ty TNHH B.
Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Minh S - Giám đốc, vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Chị Lương Thị M sinh năm 1990- Cán bộ phụ trách Môi trường của Công ty, có mặt.

Địa chỉ: Thôn L, xã S, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

1- Bà Thân Thị L, sinh năm 1967, vợ ông C;

2- Chị Thân Thị Hà H, sinh ngày 02/11/2000, con ông C;

Chị H và bà L đều vắng mặt và đều ủy quyền cho ông Thân Quang C.

Người làm chứng:

1-UBND tỉnh Bắc Giang:

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Vũ Văn T - PGĐ sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bắc Giang, có mặt.

2-Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bắc Giang;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Vũ Văn T- PGĐ sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bắc Giang, có mặt.

3-UBND huyện V, vắng mặt;

4-UBND xã T, huyện V, vắng mặt;

5-UBND xã S thành phố B, vắng mặt;

6-Ông Nguyễn Huy Đ-Nguyên trưởng thôn B, xã T, huyện V, tỉnh Bắc Giang, vắng mặt;

7-Ông Thân Thế N, sinh năm 1970-Nguyên Chủ tịch UBND xã T, huyện V, có mặt;

8-Ông Giáp Tuấn Th- Nguyên Phó Chánh Thanh tra sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bắc Giang sinh năm 1957, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn là ông Thân Văn C và bà Thân Thị L (vợ ông C), Chị Thân Thị Hà H (con ông C) là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan do ông C đại diện trình bày: Hộ gia đình ông có 3 khẩu gồm có: Ông, vợ ông là bà Thân Thị L và con ông là chị Thân Thị Hà H có nghề làm ruộng (trồng lúa) tại các thửa ruộng thuộc xứ đồng Tr, xã T, huyện V, tỉnh Bắc Giang có tổng diện tích 890m^2 gồm các thửa ruộng: Thửa số 76 có diện tích 192m^2; thửa số 160 có diện tích 240m^2; thửa số 211 có diện tích 120m^2; thửa số 306 có diện tích 338m^2. Tất cả 4 thửa ruộng này đều thuộc Tờ bản đồ số 1. Ngày 24/6/1999, hộ gia đình ông đã được cấp Giấy chứng nhận QSDĐ. Năm 2000, vợ chồng ông sinh thêm con là cháu H thì hộ gia đình ông đã được chính quyền địa phương giao thêm 432m^2 ruộng thuộc xứ đồng Tr, phần ruộng này chưa được cấp Giấy chứng nhận QSDĐ. Công TNHH B (gọi tắt là Công ty) có địa chỉ tại thôn L, thành phố B đã hoạt động sản xuất giấy từ năm 2003. Khi Công ty hoạt động đã xả nước thải vượt tiêu chuẩn kỹ thuật về chất thải

gấp trên 10 lần theo quy chuẩn kỹ thuật cho phép. Ngoài ra Công ty còn thải khí, khói bụi không đạt chuẩn ra môi trường tự nhiên xung quanh, gây ảnh hưởng đến môi trường sống và sản suất nông nghiệp của gia đình ông. Ruộng canh tác gia đình ông tại xứ đồng Tr nằm giáp Công ty. Toàn bộ phần đất ruộng này lấy nguồn nước tưới từ con kênh T4, (con kênh này nằm tiếp giáp với Công ty). Ban ngày Công ty thải nước ra kênh T4 và kênh Ngòi B (hay còn gọi là kênh Cống B). Trong đó kênh T4 và kênh Ngòi B là nguồn nước được ông sử dụng dùng tưới ruộng để phục vụ cho việc trồng lúa. Ban đêm Công ty đốt giấy thải gây khói bụi làm ô nhiễm môi trường. Do sử dụng nguồn nước tưới ruộng bị ô nhiễm nên từ năm 2007 đến năm 2017, hộ gia đình ông bị thiệt hại về nông nghiệp do năng suất lúa bị giảm sút. Trước khi Công ty hoạt động hộ gia đình ông thu hoạch 2,5 tạ thóc/01 sào ruộng/01 năm. Khi Công ty hoạt động sản xuất giấy đã gây ô nhiễm nguồn nước nên hộ gia đình ông chỉ thu hoạch được 1,3 tạ thóc/01 sào ruộng/01 năm. Do năng suất lúa giảm sút nên mỗi năm vợ chồng ông đã bị thiệt hại là 7.350.000 đồng.

Nay, ông yêu cầu Công ty phải bồi thường thiệt hại cho vợ chồng ông số tiền bị mất thu nhập trong sản xuất nông nghiệp do Công ty TNHH B xả thải gây ô nhiễm môi trường làm giảm năng suất lúa trong thời gian 10 năm (từ năm 2007 đến năm 2017) là 10.500kg thóc, được quy thành tiền là 73.500.000 đồng.

Ngoài ra ông còn yêu cầu buộc Công ty TNHH B phải có trách nhiệm thau rửa làm sạch môi trường đất, trả lại tình trạng như ban đầu mà Công ty TNHH B chưa gây ô nhiễm để hộ gia đình ông có thể canh tác bình thường; đề nghị Tòa án buộc di dời Công ty TNHH B đi xa nơi sinh sống của hộ gia đình ông.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông C xin rút yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu Công ty phải thau rửa môi trường và di dời cơ sở sản xuất.

Bị đơn là Công ty TNHH B do ông Nguyễn Minh S đại diện theo pháp luật đã trình bày: Công ty TNHH B được thành lập từ năm 1992, ông là người đại diện theo pháp luật của Công ty từ năm đó đến nay. Khi mới thành lập Công ty có trụ sở tại số 243, đường Nguyễn Văn C, phường Hoàng Văn Th, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. Đến năm 2003, Công ty chuyển toàn bộ cơ sở sản xuất về địa chỉ hiện tại. Theo Giấy phép đăng ký kinh doanh thì Công ty sản xuất giấy, chủ yếu là giấy làm bao bì. Thời gian đầu Công ty mới xây dựng thì hệ thống xử lý nước thải của Công ty còn có những hạn chế. Sau thời điểm Công ty bị xử phạt hành chính về bảo vệ môi trường (tháng 5/2016) thì Công ty đã đầu tư toàn bộ hệ thống xử lý nước thải của Công ty. Từ năm 2017 đến nay thì hệ thống nước thải của Công ty đã đạt tiêu chuẩn cho phép. Công ty có bị xử phạt hành chính trong lĩnh vực môi trường nhưng việc xả thải này không liên quan đến nước tưới của cánh đồng thôn B xã T,

huyện V, tỉnh Bắc Giang. Hệ thống nước xả thải của Công ty không xả thải vào khu cánh đồng ruộng của các hộ dân tại thôn B và không xả vào kênh T4, mà xả thải ra kênh T6. Kênh T4 cao hơn kênh T6 nên không thể có việc nước trong kênh T6 chảy ngược vào kênh T4. Việc ông C đã trình bầy là Công ty đốt giấy thải gây khói bụi và ô nhiễm môi trường là không đúng. Công ty chưa bao giờ bị Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xử phạt về vấn đề này. Ông đã được xem video về nguồn nước thải mà Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông C đã xuất trình, ông cũng thừa nhận hình ảnh trong video đó là nước thải của Công ty chảy ra. Nhưng nước thải trong, không bị đục. Khi sản xuất, Công ty đã mua nước mặt của kênh T4 của Hợp tác xã dùng nước thôn B bằng việc dùng máy bơm hút nước từ kênh T4. Từ trước tới nay Công ty vẫn xả thải vào kênh T6 tại thôn L, xã Tân Mỹ, thành phố B, qua ngòi Cống B chảy ra sông Thương. Trong suốt thời gian mà Công ty hoạt động thì Công ty cũng không nhận được bất kỳ phản ánh nào của các hộ dân của thôn B về việc nước thải của Công ty gây đã bị ô nhiễm và chảy qua ruộng của các hộ dân thôn B. Do đó, Công ty không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông C.

Tại Biên bản làm việc ngày 07/6/2018, đại diện của UBND xã S đã trình bầy: Công ty TNHH B đã bị xử phạt vi phạm hành chính về việc xả thải nước từ năm 2016-2016. Năm 2013-2014 Công ty đã có hệ thống xả thải riêng, chảy ra ngòi Cống B, điểm xả thải của Công ty ở phía dưới và nằm khá xa địa phận thôn B, xã T, huyện V. Ngòi Cống B này được nhiều Công ty ở khu công nghiệp Vân Tr, khu công nghiệp Đình Tr cùng xả thải vào. Kênh T4 chảy từ địa phận xã Tân M, thành phố B qua xã T, huyện V rồi qua xã S, thành phố B, (nơi Công ty TNHH B đặt nhà máy sản xuất) rồi chảy ra ngòi Cống B. Các hộ dân thuộc xã S canh tác sử dụng nước kênh T4 và nước ngòi Cống B để dùng làm tưới. Nhưng UBND xã S không thấy các hộ dân nào phản ánh về việc bị thiệt hại do Công ty TNHH B xả nước thải gây ra.

Tại Biên bản làm việc ngày 07/6/2018, đại diện của UBND xã T, huyện V đã trình bầy: Từ năm 2003 đến năm 2016 Công ty TNHH B hoạt động xả thải ra kênh T4. Thời điểm đó Công ty chưa có hệ thống bể lọc nên nước thải ra có màu đen, sủi bọt. Các hộ dân thôn B, xã T dùng nước ở kênh T4 để sản xuất nông nghiệp. Có một Trạm bơm gần điểm xả nước thải của Công ty. Bình thường Trạm bơm này khóa lại giữ nước cho kênh T4, để đảm bảo nước sản xuất. Kênh Cống B là nguồn tiêu nước của nhiều Công ty ở khu công nghiệp Đình Tr và khu công Nghiệp Vân Tr. Khi Công ty TNHH B xả thải ra kênh Cống B, nước thủy triều từ sông Thương dâng lên đẩy nước thải từ kênh Cống B vào kênh T4. Cánh đồng Tr nằm sát điểm

xả thải của Công ty TNHH B nên bị ảnh hưởng nhiều nhất. Một năm các hộ dân sản xuất 02 vụ lúa, nhưng UBND xã không theo dõi sản lượng thóc thu hoạch nên không có số liệu thống kê, không biết sản lượng thóc tăng giảm qua các năm của các hộ dân thôn B là bao nhiêu?

Ngày 06/11/2018, tại Công ty TNHH B, Tổ công tác gồm: Cán bộ Tòa án; cán bộ của Chi cục bảo vệ Tài nguyên và Môi trường-Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bắc Giang; đại diện của UBND xã S; đại diện của UBND xã T đã tiến hành kiểm tra thực tế hệ thống xả thải của Công ty ra môi trường và đã lập Biên bản có nội dung: Tại thời điểm kiểm tra, nước thải đã qua xử lý ở giai đoạn cuối cùng trước khi thải ra kênh T6 (hay gọi là kênh Cống B). Nước chẩy trong kênh T6 theo hướng từ thượng nguồn về cửa sông Thương) nước trong và không có mùi, Công ty không có đường xả thải ra kênh T4.

Tại Biên bản làm việc ngày 14/11/2018, ông Thân Thế Thiết, là Phó giám đốc Hợp tác xã dùng nước thôn B, xã T, huyện V đã trình bầy: Ông làm chủ nhiệm Hợp tác xã dùng nước thôn B từ năm 2007 đến năm 2017. Trong thời gian đó, Hợp tác xã có bán nước mặt ở kênh T4 cho Công ty TNHH B. Công ty tự chủ động lắp máy bơm di động để hút nước từ kênh T4. Hợp tác xã bơm nước từ kênh Ngòi B vào các xứ đồng (trong đó có xứ đồng Tr) để phục vụ cho các hộ dân trồng lúa. Nước thừa của các xứ đồng này sẽ đổ về kênh T4. Kênh T4 có chức năng chính là kênh tiêu nước.

Với nội dung trên, bản án dân sự sơ thẩm số 08/2019/DS-ST ngày 31/01/2019 của Toà án nhân dân thành phố B đã áp dụng khoản 6 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227 Điều 271; Khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 604; Điều 642 Bộ luật dân sự năm 2005. Điều 165 Luật bảo vệ môi trường năm 2014. Khoản 1, khoản 2 Điều 4 Nghị định số 03/2015/NĐ-CP ngày 06/01/2016 của Chính phủ quy định về xác định thiệt hại đối với môi trường. Khoản 3 Điều 26 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội xử:

1. Không chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của ông Thân Quang Cảnh đối với Công ty TNHH B, cụ thể:

+ Yêu cầu bồi thường thiệt hại do mất thu nhập trong sản xuất nông nghiệp là 15.000kg thóc/năm x 10 năm = 105.000.000 đồng.

+ Yêu cầu Công ty TNHH B có trách nhiệm thau rửa làm sạch môi trường đất trả lại tình trạng ban đầu khi Công ty TNHH B chưa gây ô nhiễm để sản xuất canh tác bình thường;

+ Yêu cầu di dời cơ sở sản xuất của Công ty TNHH B đi xa nơi sinh sống của ông C.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo đối với các đương sự.

Ngày 12/02/2019, ông Thân Quang C nộp đơn kháng cáo không đồng ý với quyết đinh của bản án sơ thẩm đã xử.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông C vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

+ Ông Thân Quang C đã trình bầy: Từ khi Công ty hoạt động đến nay, Công ty đã xả thải gây ô nhiễm nguồn nước làm năng suất lúa của hộ gia đình ông giảm sút. Về năng suất lúa bình quân của hộ gia đình ông đạt được trước khi Công ty hoạt động, việc giảm sút về năng suất lúa của hộ gia đình ông sau khi Công ty hoạt động thì ông cũng không có chứng cứ để xuất trình cho Tòa án. Tuy nhiên việc xả thải của Công ty vào kênh T4 gây ô nhiễm nguồn nước tưới cũng đã được UBND xã T, huyện V xác nhận. UBND xã T, huyện V cũng đã có văn bản kiến nghị tới các Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.Từ đó Công ty đã nhiều lần bị các Cơ quan chức năng xử phạt hành chính về việc Công ty đã xả thải vượt tiêu chuẩn kỹ thuật về chất thải cho phép. Nay, Công ty cho rằng Công ty không xả thải vào kênh T4 mà chỉ xả thải vào kênh T6 là không đúng.

+ Luật sư Lê Quốc Đ1 bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông C phát biểu:

-Về phần tố tụng: Theo Nghị định số 03/2015/NĐ-CP ngày 06/01/2015 của Chính phủ thì vụ án này bắt buộc phải có người làm chứng tham gia phiên tòa. Tại phiên tòa có rất nhiều người làm chứng vắng mặt nên sẽ ảnh hưởng tới việc xét xử. Đề nghị Hội đồng xét xử hoãn phiên tòa để triệu tập 1 số người làm chứng đến phiên tòa. Trường hợp sau khi hoãn phiên tòa mà những người làm chứng này vẫn không đến phiên tòa thì đề nghị Tòa án áp giải. Hơn nữa, trong vụ án này, ông Vũ Văn T là PGĐ sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bắc Giang vừa là người đại diện theo ủy quyền của UBND tỉnh Bắc Giang, vừa là người đại diện theo ủy quyền của sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bắc Giang là không hợp pháp.

-Về phần nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng vì lý do không xem xét toàn diện các chứng cứ có trong vụ án. Tòa án cấp sơ thẩm tiến hành làm việc tại Công ty TNHH B để xem xét việc xả thải của Công ty nhưng không mời ông C và Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông C

tham gia là không khách quan. Bản án sơ thẩm sử dụng các chứng cứ thu thập không khách quan để bác yêu cầu khởi kiện của ông C là không có căn cứ.

+ Công ty TNHH B do chị Lương Thị M là Người đại diện theo theo ủy quyền đã trình bầy: Công ty đã xuất trình cho Tòa án sơ đồ xả thải của Công ty vào kênh T6, (kênh Ngòi B) được xác nhận của Xí nghiệp khai thác Công trình Thủy lợi Nam Yên D. Công ty không xả thải vào kênh T4 mà xả thải vào phần cuối nguồn của kênh T6. Việc lấy nước tưới của cánh đồng thôn B là từ Trạm bơm hút nước từ đầu nguồn của kênh T6, từ điểm xả thải của Công ty cách Trạm bơm là hơn 1km. Hơn nữa kênh T6 là điểm xả thải của khu Công nghiệp Vân Tr và khu Công nghiệp Song Kh-Nội H. Do vậy việc ông C trình bầy là Công ty TNHH B đã xả vào kênh T4 làm ô nhiễm nguồn nước tưới và ảnh hưởng đến năng suất lúa của hộ gia đình ông C tại cánh đồng thôn B là không có căn cứ. Trước kia Công ty có bị xử phạt hành chính về lĩnh vực môi trường nhưng vấn đề này không liên quan đến việc giảm năng suất lúa của hộ gia đình ông C vì Công ty không bao giờ xả thải vào kênh T4. Công ty xin xuất trình cho Tòa án Quyết định của sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bắc Giang ngày 16/6/2010 về việc cấp Giấy phéo xả nước thải vào nguồn nước cho Công ty TNHH B. Trong đó điểm xả thải là: Mương tưới tiêu cánh đồng thôn L, xã S, huyện Yên D (nay là thành phố B). Việc giảm năng suất lúa còn tác động bởi nhiều yếu tố mà không phải là do ảnh hưởng duy nhất 1 yếu tố là nguồn nước tưới. Ông C không cung cấp được các tài liệu chứng cứ về việc ông C đã bị thiệt hại về năng suất lúa do Công ty gây ra. Công ty không đồng ý với kháng cáo của ông C và không đồng ý với những ý kiến của Luật sư Lê Quốc Đ1 bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông C đã trình bầy.

Một số Người làm chứng đã trình bầy:

+ Ông Thân Thế N đã trình bầy: Năm 2005-2010, ông là Bí thư Đảng ủy xã T, huyện V; năm 2010-2015 ông là Chủ tịch UBND xã T. Năm 2005, ông đại diện cho UBND xã T làm đơn kiến nghị đến Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xem xét việc xả thải của Công ty do 1 số người dân thôn B đã phản ánh về việc Công ty xả thải gây ô nhiễm môi trường. Sau đó Công ty đã bị các Cơ quan chức năng xử phạt vi phạm hành chính về vấn đề trên.

+ Ông Giáp Tuấn Th đã trình bầy: Ông là nguyên Phó Chánh Thanh tra sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bắc Giang. Trước khi ông về hưu ông là người đã tham mưu cho ở Tài nguyên và Môi trường xử phạt hành chính đối với Công ty trong lĩnh vực môi trường. Trước khi Công ty có Giấy phép xả thải của sở Tài nguyên và Môi trường thì Công ty đã xả thải vào kênh T4. Nhưng việc Công ty xả thải vào kênh T4 thì ông cũng không có chứng cứ chứng minh.

+ UBND tỉnh Bắc Giang và sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bắc Giang do ông Vũ Văn T đại diện đã trình bầy: Công ty đã 5 lần bị xử phạt vi phạm hành chính trong đó 3 lần vì lý do Công ty đã xả thải vượt tiêu chuẩn kỹ thuật về chất thải và 2 lần do Công ty đã vi phạm về thủ tục như: Không thực hiện đầy đủ nội dung trong Bản cam kết BVMT; không có văn bản báo cáo gửi Cơ quan Nhà nước

có thẩm quyền về tình hình phát sinh và quản lý chất thải nguy hại theo quy định. Các Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Công ty cũng không xác định điểm xả thải của Công ty vào kênh T4. Năm 2010 và năm 2014, Công ty đã được sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bắc Giang cấp Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước. Trong đó nguồn tiếp nhận nước thải là: Hệ thống kênh tiêu của thôn Lịm X, xã S sau đó chảy hòa vào kênh T6, xã S. Không có căn cứ xác định Công ty đã xả thải vào kênh T4 như ông C và 1 số người làm chứng khác đã trình bầy.

+ Đại diện VKSND tỉnh Bắc Giang phát biểu:

- Về tố tụng: Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang và các đương sự đã chấp hành đầy đủ các trình tự, thủ tục của BLTTDS.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 BLTTDS không chấp nhận kháng cáo của ông Thân Quang C, giữ nguyên bản án sơ thẩm đã xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

Theo ông C đã trình bầy: Vợ chồng ông C có nghề làm ruộng (trồng lúa) tại các thửa ruộng thuộc xứ đồng Tr, xã T, huyện V, tỉnh Bắc Giang có tổng diện tích 890m^2 (đã được cấp Giấy chứng nhận QSDĐ) và 432m^2 ruộng thuộc xứ đồng Tr (chưa được cấp Giấy chứng nhận QSDĐ). Ruộng canh tác gia đình ông C tại xứ đồng Tr nằm giáp Công ty TNHH B. Công ty có địa chỉ tại thôn L, thành phố B đã hoạt động sản xuất giấy từ năm 2003. Khi Công ty hoạt động đã xả nước thải vượt tiêu chuẩn kỹ thuật về chất thải gấp trên 10 lần theo quy chuẩn kỹ thuật cho phép. Ngoài ra Công ty còn thải khí, khói bụi không đạt chuẩn ra môi trường tự nhiên xung quanh, gây ảnh hưởng đến môi trường sống và sản suất nông nghiệp của gia đình ông C. Toàn bộ phần đất ruộng này lấy nguồn nước tưới từ con kênh T4, (con kênh này nằm tiếp giáp với Công ty). Ban ngày Công ty thải nước ra kênh T4 và kênh Ngòi B (kênh Cống B) trong đó kênh T4 và kênh Ngòi B là nguồn nước được ông C sử dụng dùng tưới ruộng để phục vụ cho việc trồng lúa. Do sử dụng nguồn nước tưới ruộng bị ô nhiễm nên hộ gia đình ông C đã bị thiệt hại về nông nghiệp (do năng suất lúa bị giảm sút). Trước khi Công ty hoạt động hộ gia đình ông C thu hoạch 2,5 tạ thóc/01 sào ruộng/01 năm. Khi Công ty hoạt động sản xuất giấy đã gây ô nhiễm nguồn nước nên hộ gia đình ông C chỉ thu hoạch được 1,3 tạ thóc/01 sào ruộng/01 năm. Do năng suất lúa giảm sút nên mỗi năm vợ chồng ông C đã bị thiệt hại là 7.350.000 đồng.

Nay, ông C yêu cầu Công ty phải bồi thường thiệt hại cho vợ chồng ông C số tiền bị mất thu nhập trong sản xuất nông nghiệp do Công ty TNHH B đã xả thải gây ô nhiễm môi trường làm giảm năng suất lúa trong thời gian 10 năm (từ năm 2007 đến năm 2017) là 10.500kg thóc tính tương ứng với số tiền là 73.500.000 đồng.

Các chứng cứ mà Cảnh xuất trình để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của ông C gồm: Các Quyết định xử phạt hành chính của các Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đối với Công ty TNHH B do Công ty đã vi phạm về Luật bảo vệ môi trường cụ thể như sau:

- Ngày 05/11/2004, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bắc Giang có Quyết định số 101/QĐ-TNMT V/v xử lý vi phạm Luật bảo vệ môi trường.

- Ngày 25/02/2011, Chánh thanh tra sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bắc Giang có Quyết định số 01/QĐ-VPHC xử phạt vi phạm hành chính vì lý do: Công ty không thực hiện đầy đủ nội dung trong Bản cam kết BVMT đã được UBND huyện Yên Dũng xác nhận tại Văn bản số 434/UBND-TNMT ngày 21/5/2008; xả nước thải vượt tiêu chuẩn quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 5 lần đến dưới 10 lần trong trường hợp thải lượng nước thải từ 10m^2/ngày đến dưới 50m^2/ngày.

- Ngày 19/4/2012, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang có Quyết định số 483/QĐ-XPHC xử phạt vi phạm hành chính vì lý do: Công ty bị đã xả nước thải vượt tiêu chuẩn quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 5 lần đến dưới 10 lần trong trường hợp thải lượng nước thải từ 50m^3/ngày đến dưới 500m^3/ngày;

Ngày 20/11/2012, Chánh thanh tra sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bắc Giang có Quyết định số 77/QĐ-VPHC xử phạt vi phạm hành chính vì lý do: Công ty Công ty không có văn bản báo cáo gửi cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về tình hình phát sinh và quản lý chất thải nguy hại theo quy định.

- Ngày 12/5/2016, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang có Quyết định số 696/QĐ-XPHC xử phạt vi phạm hành chính vì lý do: Công ty xả nước thải vượt tiêu chuẩn quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 10 lần trở lên trong trường hợp thải lượng nước thải từ 100m^3/ngày đến dưới 200m^3/ngày.

Ngoài ra ông C còn xuất trình các Biên bản làm việc giữa ông C và Luật sư (người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông C) với đại diện của UBND xã T, huyện V ngày 20/11/2018; các Biên bản làm việc giữa Luật sư với ông C và giữa Luật sư một số người dân thôn B, xã T. Các Biên bản trên đều có nội dung: Công ty TNHH B đã xả thải vào kênh T4 gây ô nhiễm môi trường. Sau khi Công ty bị các hộ dân thôn B phản đối thì Công ty đã xả thải vào ngòi Cống B. Trong đó ngòi Cống B cũng là nguồn nước tưới cho cánh đồng Tr và đồng Ch của thôn B.

Bản án sơ thẩm đã bác yêu cầu khởi kiện của ông C. Sau khi xét xử, ông C nộp đơn kháng cáo không đồng ý với bản án sơ thẩm đã xử về việc Tòa án cấp sơ thẩm đã bác yêu cầu khởi kiện của ông C.

Xét yêu cầu kháng cáo của ông C, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Luật sư Lê Quốc Đ1 bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông C đã trình bầy: Đề nghị hoãn phiên tòa để triệu tập những người làm chứng vắng mặt. Trường hợp sau khi hoãn phiên tòa mà những người làm chứng này vẫn không đến phiên tòa thì đề nghị Tòa án áp giải. Hơn nữa, trong vụ án này, ông Vũ Văn T là PGĐ sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bắc Giang vừa là người đại diện theo ủy quyền của UBND tỉnh Bắc Giang, vừa là người đại diện theo ủy quyền của sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bắc Giang là không hợp pháp.

-Về nội dung đề nghị hoãn phiên tòa để áp giải người làm chứng đến phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy: Trước khi xét xử, Tòa án đã triệu tập những người làm chứng theo yêu cầu của ông C và Luật sư Đ1 (người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông). Tuy nhiên tại phiên tòa, một số người làm chứng vắng mặt. Việc vắng mặt của những người làm chứng này không gây cản trở việc xét xử. Do vậy đề nghị hoãn phiên tòa để áp giải những người làm chứng của Luật sư Đ1 là không có căn cứ.

-Về việc ông Vũ Văn T tham gia phiên tòa với tư cách là người đại diện theo ủy quyền của UBND tỉnh Bắc Giang, vừa là người đại diện theo ủy quyền của sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bắc Giang thì thấy: UBND tỉnh Bắc Giang và sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa với tư cách là người làm chứng. Việc ông Tưởng là người đại diện cho cả UBND tỉnh Bắc Giang và là người đại diện cho sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bắc Giang là hoàn toàn đúng quy định tại Điều 134, Điều 138 BLDS, Điều 87, Điều 88 BLTTDS.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về việc ông C cho rằng Công ty TNHH B đã xả thải vào kênh T4 gây ô nhiễm môi trường, làm ảnh hưởng đến nguồn nước tưới của xứ đồng Tr của thôn B (chính là nơi mà hộ gia đình ông C canh tác lúa), Hội đồng xét xử xét thấy:

Tại phiên tòa phúc thẩm, Công ty đã xuất trình Sơ đồ nước thải của Công ty TNHH B được xác nhận của Xí nghiệp Khai thác Công trình Thủy lợi Nam Yên D. Tại Sơ đồ nước thải của Công ty TNHH B và Biên bản làm việc ngày 06/11/2018 của Tổ công tác đều thể hiện nội dung: Công ty hút nước từ kênh T4 để sử dụng sản xuất (kênh T4 nằm sát song song với bờ tường Công ty) và đổ ra kênh T6 qua 1 cống ngầm. Mực nước kênh T6 thấp hơn mực nước kênh T4 và được ngăn cách

kênh T4 bởi cống xả (cống ngầm nằm dưới đường đi, đường đi nằm vuông góc kênh T4 và nằm song song với kênh T6). Bình thường cánh cổng xả này đóng. Khi mùa mưa, nước trong kênh T4 cao thì cánh cổng xả này được mở để xả nước ra kênh T6. Nước trong kênh T6 không thể chẩy ngược lại kênh T4 (kể cả khi mở cánh cổng xả). Khi thủy triều lên thì nước sông Thương chảy vào kênh T6 (kênh Cống B) (ngược với dòng chẩy của kênh T6) nhưng khi đó thì nước từ kênh T6 cũng không thể chảy ngược vào kênh T4 được do độ cao chênh lệch giữa 2 kênh T4 và kênh T6 là rất lớn và do cánh cổng xả đóng. Cạnh kênh T6 có một Trạm bơm nước thôn Ch. Trạm bơm nước thôn Ch này đã không hoạt động từ lâu. Trước đây máy bơm tại Trạm bơm nước thôn Ch hút nước từ kênh T6 bơm vào kênh T4 để chuyển nước về cánh đồng Ch. Khi kênh T4 cạn nước, Công ty muốn lấy nước từ kênh T6 vào để sử dụng phải dùng máy bơm để hút từ T6 vào T4. Máy bơm của Công ty nằm cạnh Trạm bơm thôn Ch này. Công ty sử dụng máy bơm để hút nước từ kênh T6 để sử dụng nếu nước trong kênh T4 không đủ để sản xuất. Kênh T4 nằm giữa Công ty và khu ruộng trũng (cánh đồng Tr của xã T). Ruộng đồng Tr và ruộng đồng Ch đều được lấy nước từ kênh T6 qua 1 Trạm bơm ở đầu nguồn của kênh T6. Trong đó điểm xả thải của Công ty đổ ra kênh T6 nhưng nằm tại cuối nguồn nước, (theo chiều chẩy từ đầu nguồn về sông Th).

Tại Quyết định của sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bắc Giang ngày 16/6/2010 về việc cấp Giấy phéo xả nước thải vào nguồn nước cho Công ty TNHH B đã thể hiện điểm xả thải của Công ty là: Mương tưới tiêu cánh đồng thôn L, xã S, huyện Y (nay là thành phố B).

Ngày 20/5/2014, Công ty đã được sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bắc Giang cấp Giấp phép xả nước thải vào nguồn nước. Tại Giấp phép đã thể hiện nguồn tiếp nhận nước thải là: Hệ thống kênh tiêu của thôn Lịm X, xã S sau đó chảy hòa vào kênh T6, xã S.

Do vậy Công ty đã xả thải vào kênh T6 (kênh Ngòi B hay còn gọi là kênh Cống B) mà không phải là kênh T4. Ruộng đồng Tr và ruộng đồng Ch của thôn B đều được lấy nước đầu nguồn nước của kênh T6. Trong đó điểm xả thải của Công ty đổ ra kênh T6 lại nằm tại cuối nguồn nước, (theo chiều chẩy từ đầu nguồn về sông Th). Hơn nữa, kênh T6 là điểm xả thải của khu Công nghiệp Vân Tr và khu Công nghiệp Song Kh - Nội H không riêng gì Công ty TNHH B.

Như vậy, việc ông C đã trình bầy là Công ty TNHH B đã xả thải vào kênh T4 gây ô nhiễm môi trường, làm ảnh hưởng đến nguồn nước tưới của xứ đồng Tr của thôn B là không có căn cứ.

[2.2] Về việc ông C cho rằng từ năm 2007 đến năm 2017 hộ gia đình ông C đã bị giảm năng suất lúa do Công ty TNHH B gây ra, Hội đồng xét xử xét thấy:

Quá trình Tòa án cấp sơ thẩm thu thập chứng cứ, đại diện của UBND xã T, huyện V, tỉnh Bắc Giang cũng đã trình bầy: Một năm các hộ dân ở thôn B xã T, sản xuất 02 vụ lúa, UBND xã không theo dõi sản lượng thóc thu hoạch được mỗi vụ nên không có số liệu thống kê, không biết được là sản lượng thóc tăng giảm qua các năm của các hộ dân ở thôn B là bao nhiêu nên không có cơ sở xác định về việc giảm sản lượng thóc như ông C đã trình bày.

Về các Quyết định xử phạt vi phạm hành chính của các Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đối với Công ty như đã nêu trên chỉ xác định việc Công ty xả thải vượt tiêu chuẩn quy chuẩn kỹ thuật về chất thải. Còn việc các chất thải này có gây thiệt hại gì trong sản suất lúa của các hộ dân hay không thì không có tài liệu nào chứng minh. Hơn nữa, việc giảm năng suất lúa còn do nhiều yếu tố tác động như: Việc chăm sóc, phân bón, khí hậu, sâu bệnh chứ không phải chỉ do nguồn nước tưới.

Ngày 06/11/2018, tại Công ty TNHH B, Tổ công tác gồm: Cán bộ Tòa án; cán bộ của Chi cục bảo vệ Tài nguyên và Môi trường-Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bắc Giang; đại diện của UBND xã S; đại diện của UBND xã T đã tiến hành kiểm tra thực tế hệ thống xả thải của Công ty ra môi trường và đã lập Biên bản về việc xả thải của Công ty. Tại thời điểm kiểm tra nước thải đã qua xử lý ở giai đoạn cuối cùng trước khi thải ra kênh Cống B đã thể hiện nước trong và không có mùi, không có đường xả thải ra kênh T4. Địa điểm xả thải của Công ty là ra kênh Cống B cách Công ty khoảng 10m, kênh T4 nằm sát Công ty.

Việc ông C đã trình bày thì nguyên nhân dẫn đến việc sản xuất nông nghiệp của hộ gia đình ông C đã giảm so với trước năm 2007 là do nguồn nước tưới, do ô nhiễm không khí; do khói bụi từ sản xuất của Công ty TNHH B. Nhưng ông C cũng không xuất trình được các tài liệu chứng cứ nào của các Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về việc xác định sản lượng lúa của ông C trên cánh đồng thôn B từ trước năm 2007 đến nay để xác định có việc ông C đã bị giảm sản lượng lúa từ sau khi Công ty TNHH B hoạt động hay không? Ông C cũng không cung cấp được Kết luận của Hội đồng thẩm định để xác định thiệt hại về giảm năng suất lúa do tác động của môi trường.

Do vậy, việc ông C đòi Công ty TNHH B phải bồi thường thiệt hại vì ông C bị mất thu nhập do bị giảm năng suất lúa là không có căn cứ.

[2.3] Về việc Luật sư Lê Quốc Đ1 cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm đã sử dụng các chứng cứ không khách quan để giải quyết vụ án cụ thể là: Ngày 06/11/2018, tại

Công ty TNHH B, Tổ công tác gồm: Cán bộ Tòa án; cán bộ của Chi cục bảo vệ Tài nguyên và Môi trường-sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bắc Giang; đại diện của UBND xã S; đại diện của UBND xã T đã tiến hành kiểm tra thực tế hệ thống xả thải của Công ty ra môi trường và đã lập Biên bản nhưng không có mặt ông C và Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông C.

Về vấn đề này, Hội đồng xét xử xét thấy: Theo quy định tại khoản 1 Điều 101 BLTTDS quy định: Trong quá trình giải quyết vụ án nếu xét thấy cần thiết Thẩm phán tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ với sự đại diện của UBND cấp xã nơi có đối tượng cần xem xét, thẩm định và phải báo trước việc xem xét, thẩm định tại chỗ để đương sự biết và chứng kiến việc xem xét thẩm định đó.

Tòa án cấp sơ thẩm tiến hành thẩm định về việc xả thải của Công ty TNHH B nhưng không thông báo và triệu tập ông C đến tham dự là thiếu sót.

Nhưng ngoài việc đại diện của Công ty TNHH B tham dự với tư cách là bị đơn trong vụ án thì còn có nhiều Cơ quan chuyên môn và chính quyền địa phương tham dự trong buổi thẩm định này. Biên bản làm việc ngày 06/11/2018 có nội dung phù hợp với Sơ đồ nước thải của Công ty được xác nhận bởi được xác nhận của Xí nghiệp Khai thác Công trình Thủy lợi Nam Yên D. Hơn nữa, theo sự phân tích ở trên thì ông C không chứng minh được việc ông Cảnh bị thiệt hại do Công ty TNHH B gây ra. Do vậy, ý kiến của Luật sư cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào những chứng cứ không khách quan để giải quyết vụ án là không đúng. Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào nhiều các tài liệu chứng cứ khác để bác yêu cầu khởi kiện của ông C chứ không phải căn cứ vào 1 chứng cứ duy nhất là Biên bản làm việc ngày 06/11/2018 của Tổ công tác.

Việc bác yêu cầu khởi kiện của ông C của Tòa án cấp sơ thẩm là phù hợp với các quy định tại Điều 584, Điều 585, Điều 589 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết 03/2006/NQ-HĐTP Tòa án nhân dân tối cao ngày 08/7/2006. Hội đồng xét xử xét thấy cần giữ nguyên bản án sơ thẩm đã xử.

Các quyết định khác của bản án không có kháng cáo, kháng nghị nên Tòa án cấp phúc thẩm không giải quyết.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 308 BLTTDS không chấp nhận kháng cáo của ông Thân Quang C, giữ nguyên bản án án sơ thẩm đã xử.

Áp dụng khoản 6 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227 Điều 271; Khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 604; Điều 642 Bộ luật dân sự năm 2005, (nay là Điều 584, Điều 585, Điều 589 Bộ luật dân sự năm 2015); Điều 165 Luật bảo vệ môi trường năm 2014; khoản 1, khoản 2 Điều 4 Nghị định số 03/2015/NĐ-CP ngày 06/01/2016 của Chính phủ; Nghị quyết 03/2006/NQ-HĐTP của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao ngày 08/7/2006; Khoản 3, Điều 26, Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội xử:

1. Không chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của ông Thân Quang C đối với Công ty TNHH B về việc: Yêu cầu bồi thường thiệt hại do mất thu nhập trong sản xuất nông nghiệp là 10.500kg thóc trong thời gian 10 năm (từ năm 2007 đến năm 2017) tương ứng với số tiền là 73.500.000.000 đồng.

2. Đình chỉ đối với 02 yêu cầu của ông C cụ thể gồm:

- Yêu cầu Công ty TNHH B có trách nhiệm thau rửa làm sạch môi trường đất trả lại tình trạng ban đầu khi Công ty TNHH B chưa gây ô nhiễm để sản xuất canh tác bình thường;

- Yêu cầu di dời cơ sở sản xuất của Công ty TNHH B đi xa nơi sinh sống của ông Thân Quang C.

3. Án phí DSST: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông Thân Quang C.

4. Án phí DSPT: Miễn án phí dân sự phúc thẩm cho ông Thân Quang C.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2- Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 - Luật thi hành án dân sự.

Án xử phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi gửi:
-VKSND tỉnh Bắc Giang;
-Toà án nhân dân thành phố B;
-Chi cục THADS thành phố B;
-Các đương sự;
-Lưu HS; VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Đã ký

Phạm Thị Minh Hiền

+ Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:

Cung cấp các bản làm việc với đại diện UBND xã T, huyện V ngày 20/11/2018, biên bản làm việc nêu Công ty có hai ống nước nối giữa nhà máy và kênh T4, một ống hút nước vào và một ống xả nước ra, nước xả ra màu đen, mùi

hôi thối. Năm 2012, theo kiến nghị của người dân và của UBND xã nên các cơ quan chức năng đã làm việc xử phạt Công ty TNHH B, sau đó Công ty đã xây dựng đường ống xả thải mới ra ngòi Bún cách nhà máy khoảng 30m, từ sau năm 2012 Công ty xả thải chính ra ngòi Bún nhưng nước thải vẫn dò rỉ ra kên T4 và vẫn gây ô nhiễm. ngaoif ra luật sư cung cấp các Biên bản luật sư làm việc với ông C và một số người dân thôn B, xã T với nội dung xác nhận gia đình ông C bị sụt giảm sản lượng lúa như nội dung khởi kiện và việc Công ty có hệ thống xả thải ngầm ra kênh T4.

- Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông C có quan điểm: Công ty sản xuất giấy từ năm 2002 xả thải vược tiều chuẩn gấp hơn 10 lần, cùng với khói bụi của Công ty thải ra môi trường gây ô nhiễm, nước thải của Công ty thải ra kênh T4 chảy ra ngòi Bún, hậu quả làm giảm năng suất lúa của gia đình ông C, cây lúa chỉ đạt năng suất từ 50%-70%, Công ty cũng đã nhiều lần bị cơ quan có thẩm quyền xử phạt hành chính về xả thải vượt tiêu chuẩn ra môi trường, đồng thời đưa một đoạn video mà luật sư cho rằng đó là cnahr Công ty xả thải trực tiếp ra kênh T4, luật sư đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông C.